

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÀ PHÊ EA PỐK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 56 /BC-EPC

Quảng Phú, Ngày...15 tháng ...6... năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Công ty cổ phần cà phê Ea Pôk trước đây là doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn nhà nước. Thực hiện theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ, Công ty thực hiện cổ phần hóa giai đoạn từ năm 2017-2018, chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ tháng 11/2018. Đến nay hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đã được 07 năm.

Cơ cấu cổ phần của Công ty cà phê Ea Pôk hiện nay cụ thể như sau: Nhà nước giữ 32,19%; Nhà đầu tư giữ 65,44%; Cổ đông là người lao động chiếm 2,37%. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty; Công ty có 06 phòng ban chức năng; 5 đội sản xuất; 1 xưởng chế biến cà phê; 1 xưởng sản xuất phân bón vi sinh hữu cơ, phân trùn quế; và 1 trại chăn nuôi bò.

Năm 2025 khép lại với những kết quả đạt được trên từng lĩnh vực cụ thể như sau:

I. Về tình hình an ninh chính trị, trật tự:

Công ty cổ phần cà phê Ea Pôk là doanh nghiệp có sử dụng trên 70% lao động là người đồng bào dân tộc tại chỗ. Năm 2025, tình hình chính trị tại 03 Buôn đồng bào dân tộc thiểu số cơ bản ổn định. Hiện nay chỉ còn lại 22 suất khoán tại Vùng khoán gọn A2A3 đã hết hạn hợp đồng, theo chủ trương Công ty sẽ chuyển sang ký hợp đồng giao khoán dạng khoán có đầu tư bắt đầu năm 2025 (không duy trì khoán gọn). Nhưng đến nay, các hộ nhận khoán này vẫn đang chưa chịu ký lại hợp đồng với lý do là mong muốn Công ty tiếp tục duy trì hình thức khoán gọn.

Mặt khác, tại các vùng đất trồng cũng đang tiềm ẩn nhiều yếu tố chính trị phức tạp (Vùng A1 đội 5 và Vùng 87 đội 1). Nguyên vọng của bà con là đồng bào dân tộc thiểu số là tái canh thật nhanh cây cà phê. Nhưng năng lực tài chính của Công ty là có hạn, kèm theo các yếu tố khác như điều kiện về thổ nhưỡng, nguồn nước tưới... Vì vậy Công ty cần khảo sát thực tiễn từng vị trí và thực hiện tái canh theo lộ trình từng giai đoạn. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Công ty sẽ tái canh lại 100ha cà phê trên nền đất cà phê thanh lý cho giai đoạn từ 2023-2026, tính đến nay đã thực hiện được 58% kế hoạch. Năm 2026, Công ty



tiếp tục tái canh 32ha cà phê tại khu B đội 5 và Lô 1 Vùng Ea Lup đội 3. Tại Khu A1 đội 5 tiếp tục gieo trồng cây ngắn ngày để cải tạo đất thêm 01 năm nữa, tuy nhiên các hộ nhận khoán tại Vùng này vẫn chưa đồng thuận kế hoạch trồng cây ngắn ngày của Công ty và đang yêu cầu được tái canh cà phê như khu B đội 5.

II. Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1. Đối với ngành cà phê:

Khi chính thức chuyển đổi sang công ty cổ phần, Hội đồng quản trị công ty vẫn luôn xác định là cây cà phê là sản phẩm chủ lực của doanh nghiệp. Tính tại ngày 01/06/2026, diện tích cà phê toàn công ty có 291,64 ha cụ thể như sau:

Tên đơn vị sản xuất	Cà phê kinh doanh (ha)		Trồng mới 2026 (ha)	KTCB 1 (ha)	KTCB 2 (ha)	Tổng (ha)
	Dạng KCĐT	Dạng khoán gọn				
Đội 1	10,36				13,63	23,99
Đội 2	39,48	6,33				45,81
Đội 3	58,37	11,77	7,93			78,07
Đội 4	35,26			6,22	5	46,48
Đội 5	67,38		24,09	5,82		97,29
Tổng cộng	210,85	18,10	32,02	12,04	18,63	291,64

Thực hiện theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 05/05/2023 của Hội đồng Quản trị là tái canh được 107ha cà phê từ giai đoạn 2023-2026. Tính đến nay đã tái canh 86,69ha/107ha cà phê đạt 83,82% kế hoạch.

• Ngành cà phê có tính niên vụ, sản phẩm thu trong năm 2024 sẽ được sơ chế và tiêu thụ trong năm 2025. Tổng sản lượng cà phê quả tươi thực nhập niên vụ 2024-2025 là 745.504 kg, tương đương 164.494kg cà phê nhân xô. Kết quả sản xuất kinh doanh ngành cà phê niên vụ 2024-2025 cụ thể như sau:

TT	Nội dung tiêu thức	DVT	Kết quả SXKD ngành cà phê NV 2024-2025		
			Kết quả SXKD ngành cà phê – phần cứng công ty	Kết quả SXKD ngành cà phê – phần của người nhận khoán	Tổng cộng
I	Doanh thu	Đ	21.726.941.750	910.573.800	22.637.515.550
1	Số lượng tiêu thụ	Kg nhân xô	155.426	6.300	161.726
2	Diện tích	Ha			201,95
3	Năng suất bình quân	Kg/ha			800,82
4	Giá bán bình quân	Đ/kg nhân	139.789,62	144.535,52	139.974
II	Chi phí		21.051.220.464	928.579.165	21.979.799.629
1	Giá vốn hàng bán	Đồng	15.770.386.547	829.659.746	16.600.046.293
-	Giá vốn B/Q (*)	Đ/kg nhân	101.859,67	131.692,02	102.643

-	Suất đầu tư bình quân 1 ha	Đồng/ha			82.198.793
2	Chi phí hao hụt	Đồng	223.696.111	12.774.126	236.470.237
3	Chi phí bán hàng	Đồng	4.303.440		4.303.440
4	Chi phí quản lý	Đồng	4.087.390.138	67.477.949	4.154.868.087
5	Chi phí lãi vay	Đồng	965.444.228	18.667.344	984.111.572
	Giá bán điểm hòa vốn	Đ/kg nhân	135.442,08	147.394	135.908
III	Lợi nhuận		675.721.286	(18.005.365)	657.715.921

Mặc dù sản lượng vườn cây ngày càng giảm. Nhưng công ty chú trọng đầu tư đúng hướng, tập trung chế biến sản phẩm cà phê chế biến ướt (100% quả chín) có giá trị kinh tế cao kết hợp phân loại, đánh bóng, bắn màu để làm hàng chất lượng cao bán cho thị trường rang xay trong nước. Giá bán cà phê chất lượng cao chênh lệch cao hơn giá bán cà phê nhân xô từ 25.000-30.000 đồng/kg (tùy từng loại). Tổng doanh thu ngành cà phê đạt 22,6 tỷ đồng/28,73 tỷ đồng, đạt 78,66%. Giá bán bình quân đạt 139.974 đồng/kg. Lợi nhuận ngành cà phê đạt 0,657 tỷ đồng/3,064 tỷ đồng, đạt 21,44% kế hoạch đề ra.

• Trong năm 2025, Công ty có thu hoạch cà phê niên vụ 2025-2026 số lượng nhập kho là 1.511.692kg cà phê quả tươi, sản lượng này sẽ sơ chế và tiêu thụ trong năm 2026 cụ thể như sau:

STT	Lô Vùng	Diện tích (ha)	Sản lượng thực nhập NV 2025 - 2026		
			Sản lượng (Kg)	Năng suất (Kg/Ha)	So với kế hoạch (%)
A	Khoán có đầu tư	174,14	1.353.308	7.771	133,65
1	Đội 1	10,36	149.829	14.462	142,71
-	Vùng Nguyễn Bình	10,36	149.829	14.462	142,71
2	Đội 2	30,60	273.263	8.930	134,68
-	Vùng 21 ha	18,89	164.652	8.716	128,95
-	Vùng 13	6,99	78.498	11.230	157,53
-	Vùng 6,8	4,72	30.113	6.380	118,62
3	Đội 3	56,78	347.397	6.119	118,34
-	Vùng Ealúp	54,64	332.990	6.094	117,98
-	Vùng A3	2,14	14.407	6.732	127,22
4	Đội 4	23,73	271.444	11.439	174,51
-	Vùng 36	19,22	212.627	11.063	172,75
-	Vùng A1	4,51	58.817	13.041	181,16
5	Đội 5	52,67	311.375	5.912	121,84
-	Khu A1	16,13	97.470	6.043	138,2
-	Khu A2	36,54	213.905	5.854	115,6
B	Khoán gọn	27,81	60.142		110,22
1	Đội 2	14,45	38.257		106,22
-	Vùng 5,4 ha	5,4	7.649		108,5

0183174
CÔNG TY
PHÂN
CÀ PHÊ
APOK
GAR-T.Đ

-	Vùng 7ha	0,5	750		107,14
-	Vùng 10 ha	7,1	26.474		105,89
-	Vùng 13 ha	0,52	1.445		102,92
-	Vùng 18	0,93	1.939		104,25
2	Đội 3	13,36	21.885		117,98
-	Vùng A2	7,16	11.123		117,7
-	Vùng A3	6,2	10.762		118,26
C	KTCB2	27,00	98.242	3.639	123,47
1	Đội 2	0,76	3.002	3.950	150,1
-	Vùng 21 ha	0,76	3.002	3.950	150,1
2	Đội 4	11,53	23.997	2.081	242,39
-	Vùng 36	10,53	21.006	1.995	241,45
-	Vùng A1	1	2.991	2.991	249,25
3	Đội 5	14,71	71.243	4.843	105,29
-	Khu B	14,71	71.243	4.843	105,29
	Cộng	228,95	1.511.692		131,83

1. Ngành chăn nuôi:

Ngành chăn nuôi vẫn tiếp tục còn gặp nhiều khó khăn do giá cả thị trường biến động thấp, giá bán thấp hơn giá thành sản xuất từ 30.000 – 40.000 đồng/kg bò hơi. Công ty tiếp tục chăm sóc đàn bò ở ngưỡng duy trì đàn. Mục tiêu là để có nguồn phân hữu cơ vi sinh để chăm sóc cho 68ha sầu riêng và kế hoạch tái canh cà phê theo từng chu kỳ. Quy mô đàn chi tiết cụ thể như sau:

STT	Loại bò	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 31/05/2026	
		Số con	Trọng lượng (kg)	Số con	Trọng lượng (kg)
1	Cái sinh sản - làm giống	54	17.395,00	43	13.946,00
2	Đực giống	1	548,00	2	948,00
3	Đàn bê theo mẹ	32	2.451,00	15	619,00
5	Đàn bò đực tách mẹ	33	7.276,00	34	5.426,00
6	Bê cái tách mẹ	16	2.839,00	15	2.093,00
	Tổng cộng	136	30.509,00	109	23.032,00

Giá bán bò hơi bình quân đạt 67.864,83 đồng/kg, giá vốn hàng bán bình quân là 99.643,63 đồng/kg. Tổng doanh thu chăn nuôi bò đạt 1.084 triệu đồng/1.310 triệu đồng, đạt 82,7% kế hoạch (Có những thời điểm, bò thịt đã đủ tuổi xuất chuồng nhưng không có đầu ra, tiếp tục nuôi thì tốn chi phí thức ăn nhưng không tăng trọng thêm).

Vì vậy, kết quả sản xuất kinh doanh chung toàn ngành chăn nuôi vẫn lỗ 597 triệu đồng.

Ngoài ra, năm 2025 Công ty khai thác sản phẩm phụ ngành chăn nuôi 162,93 tấn phân bón chuyên sản xuất phân vi sinh và làm thức ăn cho giun quế, trị giá 326 triệu đồng.

2. Đối với ngành trồng các loại cây ngắn ngày trên nền đất trồng:

Công ty hiện có 188ha đất trồng đang trong thời gian cải tạo đất để luân phiên trồng lại cây cà phê theo từng giai đoạn. Trong thời gian chờ đất nghỉ, công ty tổ chức trồng các loại cây ngắn ngày và cây hoa màu với diện tích và kết quả sản xuất kinh doanh cụ thể như sau:

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Chu kỳ cây		Sản lượng xuất bán (kg)	Doanh thu (triệu đồng)	Chi phí (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng)
			Thời điểm xuống giống	Thời điểm dọn vườn				
1	Ớt Chi thiên	5	08/2025	12/2026	23.244,00	777	1.143	-366
2	Bắp sinh khối	131,81	05/2026	11/2026		3.623	2.967	656
3	Đậu nành	10,6	09/2024	01/2025	9.596,00	192	197	-5
4	Đậu lạc	10,83	05/2026	09/2026	13.651,00	176	369	-193
	Tổng cộng	158,24				4.768	4.676	92

Năm 2025, thời tiết diễn biến bất lợi, sự biến đổi khí hậu, mưa nhiều và liên tục kéo dài vào thời điểm tháng 10-11 năm 2025 làm toàn bộ các vườn ớt trên địa bàn hư hỏng nặng khi đang bước vào mùa thu hoạch. làm ảnh hưởng rất lớn đến 5ha ớt trồng trong năm 2025. Ớt bị bệnh thán thư, gặp mưa dầm kéo dài nên không thể phun thuốc trừ bệnh được, giá ớt thị trường biến động rất cao, có những thời điểm giá ớt lên đến 150.000 đồng/kg, nhưng Công ty nói riêng và các vườn ớt trên địa bàn nói chung đều không có ớt để bán. Đến tháng 12/2026 Công ty buộc phải thanh lý dọn vườn.

Các vườn cây họ đậu, Công ty tổ chức trồng luân canh nhằm mục đích là để cải tạo đất chờ trồng tái canh cà phê và trồng xen canh để tiết kiệm công làm cỏ cho loại cây trồng chính và tăng thu nhập trên cùng diện tích đất cho người nhận khoán.

3. Sản xuất phân hữu cơ vi sinh và phân trùn quế:

Trong năm 2025, Công ty tận dụng tối đa nguồn liệu liệu phụ thu của ngành chăn nuôi và ngành chế biến, kết hợp với các nguyên liệu như men vi sinh trichoderma, mật rỉ, cám gạo, chế phẩm EM....để sản xuất ra 303 tấn phân vi sinh hữu cơ với giá thành sản xuất là 1.517,95 đồng/kg, đây là nguồn phân bón hữu cơ có giá thành thấp và chất lượng cải tạo đất tốt cho các loại cây trồng.

Ngoài ra, Công ty sản xuất và thu hoạch được 46 tấn phân tròn quế, chuyên dùng để bón cho 28,58ha sàu riêng kiến thiết cơ bản.

4. Hợp tác kinh doanh điện năng lượng:

Theo nghị quyết số 01/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ban hành ngày 09/01/2021. Công ty có hợp tác kinh doanh điện năng lượng với Công ty TNHH Le Delta Đắk Lắk 1,2,3. Theo đó hàng tháng Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận là 55 triệu đồng/hệ/tháng, tổng 03 hệ thu được 165 triệu đồng/tháng. Tổng thu từ việc hợp tác kinh doanh điện năng lượng trong năm 2025 sau khi tách VAT đầu ra là 1.800 triệu đồng, chi phí lãi vay và quản lý phí là 294,5 triệu đồng, chi phí khấu hao hệ thống áp mái là 721,76 triệu đồng. Lợi nhuận 783,6 triệu đồng.

5. Kết quả kinh doanh toàn công ty năm 2025:

(ĐVT: Việt Nam đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	32.878.638.808	37.539.106.823	87,59
2	Doanh thu thuần	32.878.638.808	37.539.106.823	87,59
3	Giá vốn hàng bán	24.998.219.607	34.762.674.811	71,91
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.880.419.201	2.776.432.012	283,83
5	Doanh thu hoạt động tài chính	3.150.493	1.395.605	225,74
6	Chi phí tài chính	1.327.430.331	1.760.647.650	75,39
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>1.327.430.331</i>	<i>1.760.647.650</i>	<i>75,39</i>
7	Chi phí bán hàng	20.467.640	203.124.323	10,08
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.000.699.480	5.207.268.391	96,03
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.534.972.243	-4.393.212.747	134,94
10	Thu nhập khác	100.867.306	180.286.236	55,95
11	Chi phí khác	1.532.893.113	739.525.276	207,28
12	Lợi nhuận khác	-1.432.025.807	-559.239.040	39,03
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	102.946.436	-4.952.451.787	102,07
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	102.946.436	-4.952.451.787	102,07

6. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(ĐVT: Việt Nam đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ
				%
A	Tổng tài sản	65.359.475.201	66.478.143.062	98,32
I	Tài sản ngắn hạn	18.524.604.851	21.897.504.561	84,60
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	264.523.351	758.723.335	34,86
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	306.713.874	555.623.909	55,20

3	Hàng tồn kho	17.100.350.155	19.510.100.931	87,65
4	Tài sản ngắn hạn khác	853.017.471	1.073.056.386	79,49
II	Tài sản dài hạn	46.834.870.350	44.580.638.501	105,06
1	Tài sản cố định	32.402.637.727	35.895.818.097	90,27
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14.122.435.715	8.468.794.681	166,76
3	Tài sản dài hạn khác	309.796.908	216.025.723	143,41
B	Tổng nguồn vốn	65.359.475.201	66.478.143.062	98,32
III	Nợ phải trả	25.983.116.513	27.204.730.810	95,51
1	Nợ ngắn hạn	25.983.116.513	27.204.730.810	95,51
3	Nợ dài hạn	0	0	
VI	Nguồn vốn chủ sở hữu	39.376.358.688	39.273.412.252	100,26

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ
				%
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,71	0,8	89,12
+	Hệ số thanh toán nhanh	0,05	0,09	60,91
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+	Hệ số Nợ	0,66	0,41	160,94
+	Hệ số Vốn chủ sở hữu	0,60	0,59	102,11
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+	Vòng quay hàng tồn kho	1,462	1,78	82,13
+	Doanh thu thuần trên tổng tài sản	0,023	0,56	4,19
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
+	Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	0,003	-0,13	-2,41
+	Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	0,003	-0,13	-2,01
+	Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	0,002	-0,07	-2,25
+	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên Doanh thu thuần	0,047	-0,12	-38,91

102,11
102,11
102,11
138,91

7. Thu nhập bình quân đầu người của từng loại cây trồng cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Diện tích (ha)	Số lao động (người)	Thời gian canh tác	Chi phí tiền lương, tiền công (đồng)	Thu nhập bình quân (ng/năm)	Thu nhập bình quân (người/ha)
1	Hợp đồng khoán sản phẩm cà phê kinh doanh - KCĐT	183,85	236	12 tháng	11.221.533.000	47.548.868,64	61.036.350,29
2	Hợp đồng khoán công việc chăm sóc cà phê KTCB 2	27,09	29	12 tháng	985.428.000	33.980.275,86	36.376.079,73
3	Hợp đồng khoán công việc chăm sóc cà phê KTCB 1	18,63	22	6 tháng	471.372.750	21.426.034,09	25.301.811,59
4	Hợp đồng khoán công việc chăm sóc cà phê trồng mới 2025	12,04	16	6 tháng	213.999.500	13.374.968,75	17.774.044,85
5	Hợp đồng khoán công việc chăm sóc sầu riêng A1 đội 4	18,58	8	12 tháng	186.238.750	23.279.843,75	10.023.614,10
6	Hợp đồng khoán công việc chăm sóc sầu riêng Vùng 40	38,07	46	6 tháng	212.411.400	4.617.639,13	5.579.495,67
7	Hợp đồng khoán công việc chăm sóc ớt	5,00	5	5 tháng	289.229.750	57.845.950,00	57.845.950,00
8	Hợp đồng khoán công việc chăm sóc bắp sinh khối	139,74	166	4 tháng	841.087.900	5.066.794,58	6.018.948,76
9	Hợp đồng khoán công việc chăm sóc giun quế		2	12 tháng	154.262.373	77.131.186,50	

10	Hợp đồng khoán công việc chăn nuôi bò		3,5	12 tháng	300.403.000	85.829.428,57
11	Hợp đồng khoán công việc chế biến cà phê		3	6 tháng	279.162.800	93.054.266,67
	Tổng cộng		536,5		11.647.400.769	21.709.973,47

Tổng kết lại:

Năm 2025, Tổng doanh thu toàn công ty đạt 32,88 tỷ đồng, đạt 87,59% so với năm 2024 và đạt 65,76% so với kế hoạch đề ra. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 Công ty lãi 102,96 triệu đồng, đạt 149% kế hoạch. Mặc dù lợi nhuận chưa cao nhưng đó là kết quả của cả tập thể Ban Lãnh đạo công ty, cùng toàn thể CBCNV đã nỗ lực rất nhiều trong việc khắc phục lỗ cho doanh nghiệp, đồng thời ổn định tình hình an ninh, chính trị;

Bên cạnh đó, Công ty đã xuống giống thêm được 40,35ha sầu riêng, nâng tổng diện tích trồng sầu riêng lên 78,93ha, với tổng chi phí đầu tư lũy kế là 7,7tỷ đồng; Từng bước hoàn thành mục tiêu dài hạn tái canh lại 107ha cà phê theo từng giai đoạn, hiện nay đã trồng tái canh được 89,69ha cà phê với tổng chi phí đã đầu tư hết 9,028 tỷ đồng, đạt 83,82% kế hoạch đề ra; tổ chức sản xuất luân canh trên 140ha đất trống còn lại đối với các loại cây ngắn ngày để cải tạo đất như đậu nành, bắp sinh khối... để làm tiền đề cho việc tái canh lại cây cà phê giai đoạn 2026 trở đi; xen canh các loại cây họ đậu trên vườn cây công nghiệp dài ngày như sầu riêng và cà phê để tiết kiệm chi phí, lấy ngắn nuôi dài, nâng cao hiệu quả canh tác trên một đơn vị diện tích đất và cải thiện thu nhập cho người lao động nhận khoán...

Kính thưa quý cổ đông. Năm 2025, mặc dù kết quả đạt được chưa cao, nhưng với sự đồng lòng, sự đoàn kết thống nhất của toàn bộ máy trên mọi mặt trận, và sự giúp đỡ hỗ trợ tận tâm của chính quyền địa phương và các Sở Ban Ngành, chúng ta đã gặt hái được một số thành công nhất định. Chúng tôi hi vọng rằng, với những bài học kinh nghiệm chúng ta đã có được trong năm 2025, cùng với sự đóng góp xây dựng của quý cổ đông để hoàn thiện kế hoạch SXKD năm 2026 là tiền đề để Công ty cổ phần cà phê Ea Pók từng bước khắc phục lỗ lũy kế, sản xuất kinh doanh ổn định, phát triển.

Trên đây là toàn văn nội dung báo cáo tổng kết về kết quả sản xuất kinh doanh toàn công ty năm 2025. Một lần nữa, xin kính chúc tất cả quý cổ đông sức khỏe dồi dào, an khang thịnh vượng, vạn sự như ý.

Xin trân trọng cảm ơn/.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT.

CTY CỔ PHẦN CÀ PHÊ EA PÓK

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Dũng